

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Đ
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/KDTM-ST
Ngày 30-3-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Đ - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Kim Dũng

Ông Phạm Thanh Giản.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tiến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đ, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đình Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ L số 05/2020/TLST-KDTM ngày 05 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VNTV; trụ sở chính: Số 89 LH, phường LH, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp Ngân hàng Thương mại Cổ phần VNTV: Ông Nguyễn Quang Th, chức vụ: Chuyên viên xử L nợ, là người đại diện theo ủy quyền; có mặt.

- Bị đơn: Ông Bùi Minh L và bà Đỗ Thị L; đều cư trú: Tổ 11, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại các bản tự khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh theo đề nghị của ông Bùi Minh L và bà Đỗ Thị L, ngày 04-5-2016, Ngân hàng TMCP VNTV(sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông L, bà L đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 7056174 và Khế ước nhận nợ lần 1/số 7056174 ngày 04-5-2016. Theo đó, Ngân hàng đã cho ông L, bà L vay số tiền 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng, thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày 04-5-2016 đến ngày 04-5-2026; mục đích vay vốn: bổ sung vốn kinh doanh mua bán gia công sửa chữa cơ khí, nhôm kính, inox, mua bán vật liệu xây dựng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 11%/năm, mức lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần vào các ngày 01/01,01/4,01/7 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/10/2016, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng: lãi suất bán vốn của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,5%/năm (lãi suất bán vốn là mức lãi suất do hội sở chính của ngân hàng xác định từng thời kỳ). Khoản vay được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp số 7056174/TCTS ngày 04-5-2016 tại Văn phòng công chứng Gia Phúc số công chứng 2133/2016, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 04-5-2016, giữa bà L và Ngân hàng; Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận D ngày 04-5-2016. Theo hợp đồng, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 263 Đ tờ bản đồ số 01 diện tích 119,0 m² tại Tổ dân phố số 01, phường Hòa Nghĩa, quận D, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 520837 số vào sổ GCN số CH00180/Q2 do Ủy ban nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng cấp ngày 10-10-2014 cho chủ sử dụng là bà Đỗ Thị L.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng và ký nhận tiền vay tại giấy nhận nợ, ông L, bà L đã không trả nợ gốc, lãi đúng thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc nhắc nhở nhưng ông L, bà L không trả nợ đúng thời hạn theo thỏa thuận. Khoản vay của ông L, bà L đã chuyển nợ quá hạn từ tháng 12/2017. Tính đến ngày xét xử, 30-3-2021, ông L, bà L còn nợ ngân hàng tổng cộng 281.670.270 đồng, trong đó tiền nợ gốc 178.500.000 đồng, tiền nợ lãi 103.170.270 đồng (lãi trong hạn 68.018.982 đồng, lãi quá hạn 35.151.288 đồng).

Trường hợp ông L, bà L không trả được hết nợ gốc và số tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản đã thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp đã ký kết. Trường hợp sau khi đã phát mại tài sản bảo đảm mà không đủ thanh toán nợ cho Ngân hàng thì ông L, bà L có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được cấp cho bà Đỗ Thị L thế chấp cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp vẫn nguyên hiện trạng,

không thay đổi so với thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp. Tài sản thế chấp hiện tại vẫn do bà L sử dụng hợp pháp không có tranh chấp với người thứ ba.

Quá trình chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa, bị đơn là ông L, bà L thống nhất trình bày: Gia đình ông, bà có đăng ký kinh doanh Hộ kinh doanh cá thể do ông Bùi Minh L chủ hộ làm đại diện. Ngày 04-5-2016, ông L và bà L cùng ký kết Hợp đồng tín dụng số 7056174 và Khế ước nhận nợ lần 1/số 7056174 ngày 04-5-2016 vay của ngân hàng số tiền 210.000.000 đồng để phục vụ mục đích kinh doanh chung của vợ chồng. Bà Đỗ Thị L đã ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc sở hữu riêng của bà để đảm bảo cho khoản vay trên. Đến thời điểm xét xử, ông bà xác nhận còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 178.500.000 đồng như ngân hàng yêu cầu là đúng; đối với khoản tiền lãi 103.170.270 đồng (lãi trong hạn 68.018.982 đồng, lãi quá hạn 35.151.288 đồng), ông bà xác định việc tính lãi trong hạn là đúng còn tính lãi quá hạn thì ông bà không đồng ý vì L do dẫn tới khoản vay của ông bà quá hạn là do ngân hàng không tạo điều kiện để ông bà tập trung trả nợ đối với khoản vay trên. Nay, Ngân hàng khởi kiện, ông bà đề nghị được trả ngân hàng tổng cộng 210.000.000 đồng bao gồm cả tiền gốc và lãi, đề nghị ngân hàng xem xét miễn giảm một phần tiền lãi cho vợ chồng ông bà. Về tài sản thế chấp, bà L xác nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đã thế chấp cho Ngân hàng thuộc sở hữu riêng của bà, không liên quan đến người thứ ba. Nếu ông, bà không đủ khả năng trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản mà ông bà đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông L, bà L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ của hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 30-3-2021 là 281.670.270 đồng, trong đó tiền nợ gốc 178.500.000 đồng, tiền nợ lãi 103.170.270 đồng (lãi trong hạn 68.018.982 đồng, lãi quá hạn 35.151.288 đồng). Buộc ông L, bà L phải tiếp tục trả tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tính trên số tiền nợ gốc thực tế cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp ông L, bà L không thực hiện việc trả nợ thì đề nghị kê biên phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của bà L là quyền sử dụng diện tích 119,0m tại Tổ dân phố số 01, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 520837 số vào sổ GCN số

CH00180/Q2 do Ủy ban nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng cấp ngày 10-10-2014 cho chủ sử dụng là bà Đỗ Thị L theo hợp đồng thế chấp tài sản để thu hồi nợ.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; ông L, bà L phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Bùi Minh L là đại diện hộ kinh doanh cá thể cùng vợ là Đỗ Thị L ký kết hợp đồng tín dụng vay tiền với mục đích kinh doanh nên tranh chấp hợp đồng tín dụng phát sinh là tranh chấp kinh doanh thương mại, bị đơn là ông L, bà L đều cư trú tại phường Hòa Nghĩa, quận D nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Hợp đồng tín dụng số 7056174 và Khế ước nhận nợ lần 1/số 7056174 ngày 04-5-2016 giữa Ngân hàng với ông Bùi Minh L và bà Đỗ Thị L được ký trên cơ sở tự nguyện của các bên, hình thức và nội dung của hợp đồng tín dụng, phụ lục phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, là hợp đồng dân sự hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ ngày giao kết, có hiệu lực thi hành.

[3] Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông L, bà L vay số vay tiền 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng để phục vụ mục đích kinh doanh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông L và bà L đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và lãi như thỏa thuận là vi phạm hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 30-3-2021, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L, bà L trả số tiền nợ gồm nợ gốc 178.500.000 đồng và tiền nợ lãi 103.170.270 đồng (lãi trong hạn 68.018.982 đồng, lãi quá hạn 35.151.288 đồng) theo hợp đồng tín dụng. Tại phiên tòa, ông L, bà L đều thừa nhận việc còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc 178.500.000 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng đối với khoản nợ gốc này là có căn cứ được chấp nhận. Đối với khoản tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn 103.170.270 đồng, căn cứ các tài liệu do tòa án thu thập và các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy, ông L và bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ tháng 12/2017 đến nay chưa thanh toán cho ngân hàng. Ngoài ra, cũng không có căn cứ nào khác xác định ngân hàng có lỗi dẫn đến khoản nợ gốc của ông L, bà L chuyển thành nợ quá hạn từ tháng 12/2017 đến nay như ông L, bà L trình bày. Việc ông L và bà L không trả được nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã

ký kết với Ngân hàng là vi phạm hợp đồng, ông L và bà L đều xác nhận nghĩa vụ trả nợ và có nguyện vọng đề nghị Ngân hàng cho ông bà trả nợ gốc dần và miễn giảm một phần lãi. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện đối với ông L, bà L yêu cầu trả khoản tiền gốc và lãi phát sinh còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ, cần được chấp nhận. Đây là khoản vay chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, phục vụ cho mục đích kinh doanh chung của gia đình, nên ông L và bà L phải có nghĩa vụ trả nợ chung.

[4] Đối với yêu cầu của ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, bà Đỗ Thị L đã dùng tài sản là quyền sử dụng diện tích 119,0 m² tại Tổ dân phố số 1, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 520837 số vào sổ GCN số CH00180/Q2 do Ủy ban nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng cấp ngày 10-10-2014 cho chủ sử dụng là bà Đỗ Thị L (là tài sản riêng) thế chấp cho Ngân hàng. Hợp đồng thế chấp tài sản số 7056174/TCTS giữa bà L và Ngân hàng ký tại Văn phòng công chứng Gia Phúc chứng nhận số công chứng 2133/2046, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 04-5-2016; được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận D ngày 04-5-2016. Hợp đồng thế chấp nêu trên thể hiện ý chí của các bên, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, ông L và bà L đều khai và xác nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đã thế chấp cho Ngân hàng thuộc sở hữu của riêng bà L, hiện nay không liên quan và tranh chấp với người thứ ba. Như vậy, đủ cơ sở xác định hợp đồng thế chấp tài sản bà L ký với Ngân hàng là hợp pháp, phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có hiệu lực pháp luật.

[5] Theo hợp đồng thế chấp, trường hợp ông L, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng đề nghị phát mãi tài sản đảm bảo là quyền sử dụng 119,0 m² tại Tổ dân phố số 01, phường H, Quận D, thành phố Hải Phòng chủ sử dụng là bà Đỗ Thị L để thu hồi nợ là hoàn toàn phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản, phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự và Nghị định của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên được chấp nhận.

[6] Ông L, bà L phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán theo Hợp đồng số 7056174 và Khế ước nhận nợ lần 1/số 7056174 ngày 04-5-2016 kể từ sau ngày xét xử đến khi thanh toán xong.

- Về án phí:

[7] Do yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, ông L, bà L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án:

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 4 của Luật Thương mại; các điều 319, 323, 342, 348, 349, 350, 351 và 355 của Bộ luật dân sự năm 2005, các điều 463, 465 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 90, 91, 94, 95 và Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng: Buộc ông Bùi Minh L và bà Đỗ Thị L phải trả cho Ngân hàng TMCP VNTV số tiền là 281.670.270 (hai trăm tám mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn, hai trăm bảy mươi) đồng, trong đó tiền nợ gốc 178.500.000 (một trăm bảy mươi tám triệu, năm trăm nghìn) đồng, tiền nợ lãi trong hạn 68.018.982 (sáu mươi tám triệu, không trăm mười tám nghìn, chín trăm tám mươi hai) đồng, lãi quá hạn 35.151.288 (ba mươi lăm triệu, một trăm năm mươi một nghìn, hai trăm tám mươi tám) đồng.

Kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2021, ông Bùi Minh L và bà Đỗ Thị L tiếp tục phải chịu lãi suất đối với số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7056174 và Khế ước nhận nợ lần 1/số 7056174 ngày 04-5-2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc của hợp đồng tín dụng trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Bùi Minh L và bà Đỗ Thị L không trả, hoặc trả không đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP VNTV có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại theo quy định pháp luật đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng 119,0 m² đất tại thửa đất số 263Đ, tờ bản đồ số 01, tổ dân phố số 01, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 520837 số vào sổ GCN số CH00180/Q2 do Ủy ban nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng cấp ngày 10-10-2014 cho chủ sử dụng là bà Đỗ Thị L theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 7056174/TCTS tại Văn phòng công chứng Gia Phúc chứng nhận số công chứng 2133/2046, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 04-5-2016, giữa bà L và

Ngân hàng; Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận D ngày 04-5-2016.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Bùi Minh L và bà Đỗ Thị L phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng đến khi trả đủ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ngân hàng TMCP VNTV không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, trả lại Ngân hàng TMCP VNTV số tiền 6.667.000 (sáu triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0013292 ngày 29 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố Hải Phòng.

- Ông Bùi Minh L và bà Đỗ Thị L phải chịu 14.083.514 (mười bốn triệu, không trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm mười bốn) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP VNTV, ông Bùi Minh L và bà Đỗ Thị L có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận D;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Thắng